

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>214,667,331,474</b>	<b>203,576,128,270</b>
	(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>13,625,430,720</b>	<b>15,888,857,359</b>
	1. Tiền	111		3,053,150,719	3,754,555,484
	2. Các khoản tương đương tiền	112		10,572,280,001	12,134,301,875
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34,668,811,792</b>	<b>21,261,941,232</b>
	1. Phải thu của khách hàng	131		31,091,396,251	19,500,180,505
	2. Trả trước cho người bán	132		29,471,472,384	31,096,686,529
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.03</b>	170,574,597,857	170,149,720,008
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(196,468,654,700)	(199,484,645,810)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>140,238,896,637</b>	<b>140,207,296,749</b>
	1. Hàng tồn kho	141		309,868,740,925	309,837,141,037
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(169,629,844,288)	(169,629,844,288)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26,134,192,325</b>	<b>26,218,032,930</b>
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			4,153,388
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,351,326,771	5,706,227,112
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>V.05</b>	527,845,895	527,845,895
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.05</b>	20,255,019,659	19,979,806,535

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>165,588,155,335</b>	<b>250,257,564,275</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,824,404,520</b>	<b>1,824,404,520</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	1,824,404,520	1,824,404,520
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18,999,558,350</b>	<b>22,473,357,978</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	15,400,550,007	16,658,510,721
- Nguyên giá	222		50,369,107,893	51,175,005,415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34,968,557,886)	(34,516,494,694)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3,599,008,343	5,814,847,257
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	<b>139,398,600,000</b>	<b>205,234,624,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		326,192,000,000	327,807,200,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(186,793,400,000)	(122,572,576,000)
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>5,365,592,465</b>	<b>20,725,177,777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	5,365,592,465	20,725,177,777
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	273		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>380,255,486,809</b>	<b>453,833,692,545</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>280,691,956,616</b>	<b>283,339,672,966</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>280,691,956,616</b>	<b>283,332,748,666</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	94,767,400,000	95,971,314,577
2. Phải trả cho người bán	312		33,043,695,950	32,441,765,219
3. Người mua trả tiền trước	313		40,029,816,235	40,289,630,687
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	403,270,024	330,476,347
5. Phải trả người lao động	315		1,434,713,392	1,944,494,097
6. Chi phí phải trả	316	V.17	21,581,882,832	21,764,878,702
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		3,222,546,339	2,755,605,698
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	84,263,264,323	84,087,201,286
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1,127,766,265	2,926,910,798
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		817,601,256	820,471,255
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-<sup>a</sup></b>	<b>6,924,300</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	6,924,300
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>99,608,055,434</b>	<b>171,125,699,806</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>99,608,055,434</b>	<b>171,125,699,806</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		329,999,910,000	329,999,910,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		550,000,000,000	550,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(14,502,228,969)	(14,959,992,820)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,512,227,222	2,512,227,222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,097,330,938	5,097,330,938
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(773,499,183,757)	(701,523,775,534)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>(44,525,241)</b>	<b>(631,680,227)</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>540</b>		<b>380,255,486,809</b>	<b>453,833,692,545</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lee Hsien Pin

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	26,179,518,504	5,276,746,312	30,003,773,997	24,156,528,353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 26	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	26,179,518,504	5,276,746,312	30,003,773,997	24,156,528,353
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	25,407,381,334	16,998,925,684	28,886,838,281	32,825,021,890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		772,137,170	(11,722,179,372)	1,116,935,716	(8,668,493,537)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	22,647,522,480	2,203,267,954	25,345,693,730	4,079,470,755
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	87,270,615,175	1,618,825,697	89,043,398,471	3,389,075,743
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,773,759,534	1,090,769,717	3,545,780,095	2,832,291,217
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.31	6,805,990,787	26,164,906,808	10,778,294,762	31,364,247,908
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		(70,656,946,312)	(37,302,643,923)	(73,359,063,787)	(39,342,346,433)
11. Thu nhập khác	31	VI.32	1,638,678,350	33,406,692,869	4,209,729,525	64,907,810,069
12. Chi phí khác	32	VI.33	1,533,327,996	15,127,342,522	3,153,682,149	44,395,496,527
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		105,350,354	18,279,350,347	1,056,047,376	20,512,313,542
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		(70,551,595,958)	(19,023,293,576)	(72,303,016,411)	(18,830,032,891)
Các khoản chi phí không hợp lệ				(101,781,279)		
16. Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN				(19,023,293,576)	(72,303,016,411)	(18,830,032,891)
16a. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34		(626,016,674)		670,827,557
16b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(70,551,595,958)	(18,397,276,902)	(72,303,016,411)	(19,500,860,448)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(25,410,385)	(3,022,894,442)	(44,525,241)	(2,604,069,365)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty (62 = 60 - 61)	62		(70,526,185,573)	(15,374,382,460)	(72,258,491,170)	(16,896,791,083)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.36	(2,137.16)	(465.89)	(2,189.65)	(512.02)

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lee Hsien Pin

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(72,303,016,411)	(18,830,032,891)
2. Điều chỉnh cho các khoản :			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,898,834,807	3,020,635,057
- Các khoản dự phòng	03		66,585,271,045	13,953,293,414
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		807,557	505,927,422
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(12,984,607,593)
- Chi phí Lãi vay	06		3,545,780,095	2,832,291,217
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
3. vốn lưu động	08		(272,322,907)	(11,502,493,374)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		13,406,870,560	(44,425,521,536)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		31,599,888	15,761,155,294
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1,398,457,900	20,898,061,726
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(15,363,738,700)	4,908,363,597
- Tiền Lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(670,827,557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			2,375,647,325
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(799,133,259)	(12,655,614,525)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21		(1,479,747,925)	(128,565,650)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		15,454,545	30,383,142,126
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27			551,526,055
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(1,464,293,380)	30,806,102,531

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(2,263,426,639)	18,150,488,006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15,888,857,359	8,252,419,633
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		<u>13,625,430,720</u>	<u>26,402,907,639</u>

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc



Lee Hsien Pin

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Thành lập:** Công ty Cổ phần Full Power tiền thân là Công ty TNHH Xây lắp Điện cơ Full Power Việt Nam (thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 45/GP-KCN-BD và Giấy chứng nhận đầu tư số 462033000030 ngày 14 tháng 2 năm 2000 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp). Theo Quyết định số 45/CPH/GP-KCN-BD ngày 18 tháng 08 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty TNHH Xây lắp Điện cơ Full Power Việt Nam được chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài. Qua các lần thay đổi giấy phép, hiện nay công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 462033000030 thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 22/06/2010.

2. **Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.**

3. **Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng.**

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Thiết kế thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp trong nhà máy và các tòa nhà dân dụng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống lạnh, trang trí nội ngoại thất, sân vườn; Nhập khẩu các vật tư thiết bị trong nước chưa sản xuất được để phục vụ thi công các công trình trúng thầu; Sản xuất và lắp đặt tủ điều khiển, hộp nối điện, máng cáp, thang cáp, ngã rẽ, ti treo và các phụ kiện điện khác; Xây dựng đường dây trung thế và trạm biến điện đến 35KV; Gia công cắt, uốn, sơn phủ bề mặt kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất các phụ kiện ống công nghiệp, vật liệu cách nhiệt, bồn chứa áp lực bằng kim loại; Thiết kế thi công và sản xuất máy móc thiết bị dùng cho nâng hạ, bốc dỡ và vận chuyển hàng hóa; Thiết kế và xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Nghiên cứu ươm trồng và kinh doanh cây cảnh, hoa bonsai và cây công nghiệp; Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống đột nhập cho các công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất kinh doanh hệ thống chống đỡ phục vụ cho công trình xây dựng tầng hầm; Sản xuất bê-tông, các cấu kiện bằng bê-tông; Sản xuất khung cửa, tường rào bằng kim loại; Sản xuất giàn giáo, cốt pha, các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ; Gi

**5. Công ty con**

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ " Công ty Cổ phần Full Power" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con: năm (04)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : năm (03)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (01)

**Danh sách công ty con được hợp nhất:**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 1. Công ty TNHH Kiến Giai

- Trụ sở : 50/D26 - Khu phố 2 - Phường 1 - Thị xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 70%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%.

### 2. Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Liên hiệp Quốc Tế

- Trụ sở : Tòa nhà Scetpa - Số 19A Công Hòa - Phường 12 - Quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 70%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%.

Tính đến ngày 30/06/2012, chỉ có Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Liên Hiệp Quốc Tế, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong Giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2012, khoản lỗ lũy kế của Công ty TNHH TV TK Liên Hiệp Quốc Tế đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 25.867.281.466 VNĐ (= 28.244.061.466 VNĐ - 2.376.780.000 VNĐ) và vào ngày 07/05/2011 công ty đã ra thông báo chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh và hiện đang trong quá trình tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.

### 3. Công ty TNHH Lập Đức

- Trụ sở : Số 51/19 Đường Ông Ích Khiêm - Phường 10 - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 70%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 70%.

Vào ngày 30/06/2011 công ty đã ra quyết định giải thể công ty.

### 4. Công ty TNHH Steel Tech

- Trụ sở : Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 100%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%.

Tính đến ngày 30/06/2012, Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Steel Tech là 2.000.000.000 VNĐ

Vào ngày 25/05/2012 Công ty đã có quyết định giải thể.

### 5. Công ty TNHH Metal Tech

- Trụ sở : Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 100%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100%.

Tính đến ngày 30/06/2012, Công ty Cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Metal Tech là 10.623.510.531 VNĐ

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước. Riêng báo cáo tài chính của các công ty con đã ngưng hoạt động và đang trong quá trình tiến hành thủ tục giải thể công ty được lập trên cơ sở giá trị thuần.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Full Power và Báo cáo tài chính của 05 công ty con nêu trên.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**5.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay, góp vốn vào các dự án ... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty hoặc của các dự án đầu tư bị lỗi.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí công cụ dụng cụ, giàn giáo, chi phí thuê đất và các chi phí khác ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 đến 36 tháng hoặc theo thời gian hữu dụng.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.**

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ngắn hạn vào cuối năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái)...

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

**Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:** Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:**

**1. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:** khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:** khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2012	01/01/2012
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
<b>Tiền</b>	<b>3,053,150,719</b>	<b>3,754,555,484</b>
Tiền mặt	18,842,404	287,451,013
Tiền gửi ngân hàng	3,034,308,315	3,467,104,471
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>10,572,280,001</b>	<b>12,134,301,875</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	10,572,280,001	12,134,301,875
<b>Cộng</b>	<b>13,625,430,720</b>	<b>15,888,857,359</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
<b>Phải thu khác (*)</b>	<b>170,574,597,857</b>	<b>170,149,720,008</b>
<b>Cộng</b>	<b>170,574,597,857</b>	<b>170,149,720,008</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>8,673,852,488</b>	<b>8,673,852,594</b>
<b>Chi phí SX, KD dở dang</b>	<b>301,194,888,437</b>	<b>301,163,288,443</b>
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>309,868,740,925</b>	<b>309,837,141,037</b>
<b>(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(169,629,844,288)</b>	<b>(169,629,844,288)</b>
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>140,238,896,637</b>	<b>140,207,296,749</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>527,845,895</b>	<b>527,845,895</b>
Thuế GTGT nộp thừa	3,768,351	3,768,351

(\*): Chi tiết các khoản phải thu khác được trình bày tại phụ lục số 01.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế TNDN nộp thừa	515,760,967	515,760,967
Thuế TNDN nhà thầu nộp thừa	8,316,577	8,316,577
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>20,255,019,659</b>	<b>19,979,806,535</b>
Tạm ứng	18,938,159,054	18,173,322,896
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,282,575,655	1,396,500,066
Tài sản thiếu chờ xử lý	34,284,950	409,983,573
<b>Cộng</b>	<b>20,782,865,554</b>	<b>20,507,652,430</b>
<b>7. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1,824,404,520	1,824,404,520
<b>Cộng</b>	<b>1,824,404,520</b>	<b>1,824,404,520</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	9,275,833,479	20,155,958,021	4,494,744,357	6,783,480,074	10,464,989,484	51,175,005,415
Mua trong kỳ			1,685,827,920	10,454,550		1,696,282,470
Thanh lý, nhượng bán			(1,158,304,832)	(50,415,200)	(1,293,459,960)	-2,502,179,992
Số dư cuối kỳ	9,275,833,479	20,155,958,021	5,022,267,445	6,743,519,424	9,171,529,524	50,369,107,893
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4,257,633,658	15,056,717,035	4,303,906,549	6,323,840,457	4,574,396,995	34,516,494,694
Khấu hao trong kỳ	231,895,842	745,612,930	217,523,250	235,752,170	468,050,615	1,898,834,807
Thanh lý, nhượng bán			(1,144,269,045)		(302,502,570)	-1,446,771,615
Số dư cuối kỳ	4,489,529,500	15,802,329,965	3,377,160,754	6,559,592,627	4,739,945,040	34,968,557,886
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	5,018,199,821	5,099,240,986	190,837,808	459,639,617	5,890,592,489	16,658,510,721
Số dư cuối kỳ	4,786,303,979	4,353,628,056	1,645,106,691	183,926,797	4,431,584,484	15,400,550,007

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2012	01/01/2012
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
+ Chi phí xây dựng CN Đồng Nai	1,576,761,370	3,666,949,180
+ Chi phí bồi thường đất ở Bắc Ninh	-	
+ Chi phí sửa chữa	1,309,546,887	1,183,701,387
+ Chi phí xây dựng khung kèo A	712,700,086	
+ Chi phí xây dựng trụ sở Công ty Steel Tech		964,196,690
<b>Cộng</b>	<b>3,599,008,343</b>	<b>5,814,847,257</b>

## 13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác		326,192,000,000		327,807,200,000
+ Đầu tư vào dự án khu dân cư Quận 9 (*)		68,924,000,000		68,924,000,000
+ Đầu tư vào dự án khu TM và VP cho thuê tại Tp.Đà Nẵng (**)		12,493,000,000		12,493,000,000
+ Đầu tư vào dự án khu đất Quận 12 (***)		207,705,000,000		207,705,000,000
+ Đầu tư vào dự án khu CN Đức Mỹ - Long An (****)		37,070,000,000		37,070,000,000
+ Cty TNHH Quốc tế TTE VN (*****)				1,615,200,000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(186,793,400,000)</b>		<b>-122,572,576,000</b>
<b>Cộng</b>		<b>139,398,600,000</b>		<b>205,234,624,000</b>

(\*): Dự án khu dân cư Quận 9 là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP XD TM Phú Mỹ) để đầu tư xây dựng khu dân cư tại Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM. Dự án này phát sinh từ năm 2006, 2007 nhưng đến nay vẫn chưa thu được hiệu quả và Công ty đang có kế hoạch thu hồi khoản đầu tư này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(\*\*): Dự án khu TM và VP cho thuê tại Tp. Đà Nẵng là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP XD TM Phú Mỹ) để đầu tư dự án khu cao ốc tại số 234 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng. Dự án này phát sinh từ năm 2006, 2007 nhưng chưa thu được hiệu quả. Bên cạnh đó, dự án này đã không được Đại hội cổ đông bất thường ngày 19/09/2009 thông qua nên Công ty đang tiến hành việc thu hồi khoản đầu tư này.

(\*\*\*): Dự án khu đất Quận 12 là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH XD KD nhà Sang Anh để đầu tư xây dựng khu dân cư tại Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM. Dự án này phát sinh từ năm 2007 nhưng chưa thu được hiệu quả. Bên cạnh đó, dự án này đã không được Đại hội cổ đông bất thường ngày 19/09/2009 thông qua nên Công ty đang tiến hành việc thu hồi khoản đầu tư này.

(\*\*\*\*): Dự án khu CN Đức Mỹ - Long An là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thiết kế XD TM Phú Mỹ (nay là Công ty CP XD TM Phú Mỹ) để đầu tư vào Cụm công nghiệp Đức Mỹ, giai đoạn 2 tại xã Đức Hòa, Huyện Đức Hòa Long, Tỉnh Long An.

(\*\*\*\*\*): Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Quốc Tế TTE đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Quốc Tế TTE vào tháng 01 năm 2012

	30/06/2012	01/01/2012
<b>14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác</b>		
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5,365,592,465</b>	<b>20,725,177,777</b>
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần II	505,048,702	511,543,234
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Nhơn Trạch I	1,677,526,619	14,766,100,450
Phần mềm kế toán và máy vi tính	136,749,497	273,499,013
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	58,213,248	39,752,904
Chi phí bản đồ qua vệ tinh	-	-
Chi phí xây dựng văn phòng tạm tại các CN Nhơn Trạch	2,988,054,399	5,134,282,176
Giàn giáo phục vụ tại các công trình	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5,365,592,465</b>	<b>20,725,177,777</b>
<b>15. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
<b>Vay ngắn hạn (*)</b>	<b>94,767,400,000</b>	<b>95,829,989,422</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	141,325,155
<b>Cộng</b>	<b>94,767,400,000</b>	<b>95,971,314,577</b>

(\*) : Khoản vay ngắn hạn đến ngày 31/12/2011 bao gồm:

Vay ngắn hạn Ông Lin Chen Hai 94,767,400,000

Tương đương 4.550.000 USD, là khoản vay theo Biên bản thỏa thuận cho vay tiền số 05-09/LA ngày 05/06/2009 giữa ba bên là Ông Lin Chen Hai, Công ty Cổ phần Full Power và Công ty Cổ phần TM XD Phú Mỹ. Theo thỏa thuận này, Công ty Cổ phần Full Power sẽ được Ông Lin Chen Hai cho vay số tiền là 5.000.000 USD, lãi suất vay là 7,5%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM. Quyền sử dụng của thửa đất này do hai bên Công ty Cổ phần Full Power và Công ty Cổ phần TM XD Phú Mỹ cùng hợp tác kinh doanh.

	30/06/2012	01/01/2012
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập cá nhân	403,270,024	330,476,347
Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	-	
Các loại thuế khác	-	
<b>Cộng</b>	<b>403,270,024</b>	<b>330,476,347</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí thuê nhà, điện, nước, điện thoại, fax		5,000,000
Chi phí kiểm toán		
Chi phí lãi vay	21,561,072,832	18,015,292,737
Trích trước chi phí công trình		604,239,403
Phí duy tu	-	
Phí tư vấn phải trả Royal Base Corporation		2,853,436,000
Chi phí trích trước khác	20,810,000	286,910,562
<b>Cộng</b>	<b>21,581,882,832</b>	<b>21,764,878,702</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Kinh phí công đoàn	2,205,000	1,648,500
Bảo hiểm xã hội	260,203,186	238,605,829
Bảo hiểm y tế	41,801,550	37,558,050
Bảo hiểm thất nghiệp	4,213,400	(13,800)
Bảo hiểm thai sản	19,173,500	
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	83,935,667,687	83,809,402,707
<b>Cộng</b>	<b>84,263,264,323</b>	<b>84,087,201,286</b>

(\*) : Chi tiết các khoản phải trả khác được trình bày tại phụ lục số 02

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>329,999,910,000</b>	<b>550,000,000,000</b>	<b>(5,355,007,712)</b>	<b>2,512,227,222</b>	<b>5,097,330,938</b>	<b>(503,711,988,039)</b>	<b>378,542,472,409</b>
Lợi nhuận kỳ này						(229,537,386,171)	(229,537,386,171)
Tăng khác			195,854,551				195,854,551
Điều chỉnh lợi ích CĐTTS bằng LNST của công ty mẹ							
Điều chỉnh khoản lỗ lũy kế đầu năm 2011 của các công ty con giải thể vào cuối năm 2011						(6,480,682,974)	(6,480,682,974)
Giảm khác			(9,800,839,659)			38,206,281,649	38,206,281,649
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>329,999,910,000</b>	<b>550,000,000,000</b>	<b>(14,959,992,820)</b>	<b>2,512,227,222</b>	<b>5,097,330,938</b>	<b>(701,523,775,534)</b>	<b>(9,800,839,659)</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>329,999,910,000</b>	<b>550,000,000,000</b>	<b>(14,959,992,820)</b>	<b>2,512,227,222</b>	<b>5,097,330,938</b>	<b>(701,523,775,534)</b>	<b>171,125,699,806</b>
Lợi nhuận kỳ này						(72,258,491,170)	(72,258,491,170)
Tăng khác							
Lợi ích CĐTTS năm trước						(631,680,227)	(631,680,227)
Điều chỉnh khoản lỗ lũy kế của các công ty con giải thể			457,763,851			5,927,258,319	5,927,258,319
Giảm khác			(14,502,228,969)			(5,012,495,145)	(4,554,731,294)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>329,999,910,000</b>	<b>550,000,000,000</b>	<b>(14,502,228,969)</b>	<b>2,512,227,222</b>	<b>5,097,330,938</b>	<b>(773,499,183,757)</b>	<b>99,608,055,434</b>
						0	0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước	0.00%	-	-
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	100.00%	329,999,910,000	329,999,910,000
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>329,999,910,000</b>	<b>329,999,910,000</b>
<i>Bao gồm:</i>			
Công ty TNHH XD PT KD nhà Hoàng Phước	16.22%	53,533,360,000	53,533,360,000
Ông Chen Li Hsun		-	-
Ông Lin Chen Hai	18.67%	61,600,000,000	61,600,000,000
Ông Lin Yi Huang	0.01%	34,350,000	34,350,000
Ông Torng Jenn Shiaw	0.23%	769,280,000	769,280,000
Ông Yen Li Chuan	12.58%	41,500,000,000	41,500,000,000
Ông Yen Li Cheng	12.58%	41,500,000,000	41,500,000,000
Các cổ đông khác	39.72%	131,062,920,000	131,062,920,000

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<b>329,999,910,000</b>	<b>329,999,910,000</b>
Vốn góp đầu năm	329,999,910,000	329,999,910,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	329,999,910,000	329,999,910,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**đ. Cổ phiếu**

	30/06/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32,999,991	32,999,991
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32,999,991	32,999,991
Cổ phiếu thường	32,999,991	32,999,991
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32,999,991	32,999,991
Cổ phiếu thường	32,999,991	32,999,991
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10,000	10,000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2012	01/01/2012
Quỹ đầu tư phát triển	2,512,227,222	2,512,227,222
Quỹ dự phòng tài chính	5,097,330,938	5,097,330,938
<b>Cộng</b>	<b>7,609,558,160</b>	<b>7,609,558,160</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
<b>25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	26,179,518,504	5,276,746,312
<b>Cộng</b>	<b>26,179,518,504</b>	<b>5,276,746,312</b>
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	26,179,518,504	5,276,746,312
<b>Cộng</b>	<b>26,179,518,504</b>	<b>5,276,746,312</b>
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	25,407,381,334	16,998,925,684
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25,407,381,334</b>	<b>16,998,925,684</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22,647,522,480	2,203,267,954
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22,647,522,480</b>	<b>2,203,267,954</b>
<b>30. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	1,773,759,534	1,090,769,717
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	807,557	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	85,496,048,084	528,055,980
<b>Cộng</b>	<b>87,270,615,175</b>	<b>1,618,825,697</b>
<b>31. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định, hàng tồn kho	3,454,545	346,454,545
Thu chuyển nhượng đất lô M - KCN Sóng Thần	-	31,100,000,000
Thu tiền cho thuê xe	12,000,000	-
Thu tiền chuyển nhượng quyền hội viên Floating Card	1,514,909,091	-
Thu nhập khác	108,314,714	1,957,582,053
Thu nhập khác của cty con	-	2,656,271
<b>Cộng</b>	<b>1,638,678,350</b>	<b>33,406,692,869</b>
<b>32. Chi phí khác</b>		
Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định, hàng tồn kho	-	14,587,440,021
Chi phí chuyển nhượng đất lô M - KCN Sóng Thần	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tiền phạt	9,199,651	539,902,501
Khoản lỗ do chuyển nhượng vốn cho Cty TTE		
Nộp thuế cho Cty Kiến Lương		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Chi phí khác	1,524,128,345	
Chi phí khác ở các công ty con		
<b>Cộng</b>	<b>1,533,327,996</b>	<b>15,127,342,522</b>
<b>33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý II năm 2012</b>	<b>Quý II năm 2011</b>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(70,551,595,958)	(19,023,293,576)
2. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)	(70,551,595,958)	(19,023,293,576)
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập từ hoạt động SXKD (trừ thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất)	(70,551,595,958)	
- Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất	-	
3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	-	(626,016,674)
4. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	(626,016,674)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****3. Giao dịch với các bên liên quan**

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Bảo Gia	Cổ đồng	Doanh thu hợp đồng xây dựng	3,234,934,595
Công ty Cổ phần XD TM Phú Mỹ	Cổ đồng	Lãi vay của khoản cho vay	249,845,556
		Lãi do chậm thanh toán tiền thanh lý HĐ thuê VP Cộng Hòa	392,996,743
Ông Lin Chen Hai	Cổ đồng	Khoản lãi vay	1,773,759,534

b. Vào ngày 31/12/2011, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị Phải thu (Phải trả)
Công ty Cổ phần Bảo Gia	Cổ đồng	Phải thu thương mại	
		Nhận ứng trước	(2,366,857,050)
		Phải thu khác	165,000,000
		Phải trả khác (cổ tức năm 2007)	(3,343,991,792)

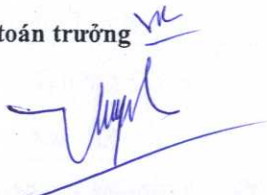
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty Cổ phần XD TM Phú Mỹ	Cổ đông	Nhận ứng trước	(19,482,138,385)
		Phải thu khác	22,502,483,500
		Phải thu khoản thanh lý hợp đồng thuê VP và lãi do chậm thanh toán	25,423,866,183
		Phải thu khoản cho vay và lãi vay	16,895,983,334
		Phải trả khác	(500,000,000)
		Phải trả khác (cổ tức năm 2007)	(4,779,671,968)
		Góp vốn hợp tác kinh doanh	118,487,000,000
		Công ty TNHH XD KD PT nhà Sang Anh	Công ty liên quan
Ông Lin Chen Hai	Cổ đông	Khoản đi vay	(94,767,400,000)
		Khoản lãi vay	(21,561,072,832)
		Phải trả khác (cổ tức năm 2007)	(11,703,971,272)
Ông Torng Jenn Shia	Cổ đông	Phải thu khác	1,836,194,122
		Phải trả khác (cổ tức năm 2007)	(146,162,841)

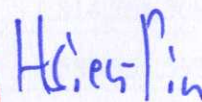
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc

Lee Hsien Pin

**CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER**

Phụ lục : 01

**CHI TIẾT SỐ DƯ PHẢI THU KHÁC  
TẠI THỜI ĐIỂM 30/06/2012**

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Ông Chen Li Hsun	13,478,550,191
2	Ông Torng Jen Shiaw	1,836,194,122
3	Cty TNHH Foam Hwa Ching ĐN	82,146,728
4	Phải thu BHXH	786,356
5	Phải thu Cty Full Power Dung Quất	20,000,000
6	Phải thu Wu Su Wan tiền Steel trả hộ Full	93,956,642
7	Phải thu tiền thuế sau quyết toán	279,868,244
8	Phải thu Baw Heng Steel	13,147,200
9	Cty Bảo Gia	165,000,000
10	Lin Shui Li	83,665,000
11	Cty Diệu Thanh	142,802,657
12	Cty Phú Xương	2,652,306,851
13	Cty Vũ Thành	3,570,032,037
14	Cty Jin Long	955,355,282
15	Cty Trường Cường	1,814,281,308
16	Cty Sao Kỹ	582,351,592
17	Phải thu Mr. WU YING CHUNG	885,500,000
18	Tiền Thuế GTGT chưa kê khai	18,129,431
19	Thuế GTGT nhà thầu chưa kê khai	184,388,908
20	Phải thu Công ty CP Quốc Thái	3,104,036,364
21	Phải thu Bùi Thị Lệ	120,000
22	Phải thu Wu Ye Chun	642,119,656
23	Công ty Tinh Vĩ	1,645,412,153
24	Công ty Đông Vĩ	818,288,066
25	Ông Hsieh Kuo Cheng	4,024,148,049

STT	Diễn giải	Số tiền
26	Tiền tồn quỹ thất thoát chưa rõ nguyên nhân	1,999,089,375
27	Tài sản thiếu chờ xử lý	375,698,623
28	Nguyễn Văn Bản	59,821,000
29	Nguyễn Thị Thái Phước	33,000,000
30	Phải thu Công ty Trường Thuận Phát	500,000,000
31	Phải thu Công Ty TNHH Vũ Điền	67,069,005
32	Công ty CP Phú Đức	65,625,000,000
	<i>Trong đó : - Phải thu về hợp đồng vay</i>	45,000,000,000
	<i>- Phải thu về lãi vay</i>	20,625,000,000
33	Công ty CP XD TM Phú Mỹ	64,822,333,017
	<i>Trong đó : - Phải thu về hợp đồng vay</i>	12,755,000,000
	<i>- Phải thu về lãi vay</i>	4,140,983,334
	<i>- Phải thu về tiền tạm ứng</i>	22,502,483,500
	<i>- Phải thu lại tiền thuê VP Phú Mỹ</i>	20,729,498,500
	<i>- Phải thu tiền lãi HD thuê VP Phú Mỹ</i>	4,694,367,683
	<b>Tổng cộng</b>	<b>170,574,597,857</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER**

Phụ lục : 02

**CHI TIẾT SỐ DƯ PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC  
TẠI THỜI ĐIỂM 30/06/2012**

<b>STT</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền</b>
1	Phải trả thù lao HĐQT và ban kiểm soát 2007	658,707,638
2	Cổ tức năm 2007 phải trả	62,699,829,000
3	Công ty TNHH Sefety	7,418,247,530
4	Công ty CP Phú Đức	12,370,367,130
5	Phải trả Ông Wu Ye Chun	73,722,272
6	Công ty CP Phú Mỹ	500,000,000
7	Phải trả Ma Rong Cheng	243,492,606
8	Phải trả Chen Wei Cheng	20,229,000
9	Phải trả Công ty Bảo Gia	10,000,000
10	Phải trả Wang Ching Ping (PMIS)	500,000
11	Phải trả Lisa	18,876,000
12	Phải trả Cai Sheng Chang	173,284,504
13	Phải trả khác	(251,587,993)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>83,935,667,687</b>